

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Khoa học và Công nghệ
Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
Cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			57	10	17.54
1	Tiến sĩ			0	0	0
1.1	Tiến sĩ chính quy					
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài					
2	Thạc sĩ			57	10	17.54
2.1	Thạc sĩ chính quy			57	10	17.54
2.1.1	Kỹ thuật	852		27	0	0
2.1.1.1	Kỹ thuật viễn thông	8520208	Kỹ thuật	27	0	0
2.1.2	Máy tính và công nghệ thông tin	848		30	10	33.33
2.1.2.1	Hệ thống thông tin	8480104	Máy tính và công nghệ thông tin	30	10	33.33
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
B	ĐẠI HỌC			1710	1462	85.49

THÔNG TIN

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
3	Đại học chính quy			1160	1137	98.01
3.1	Chính quy			1160	1137	98.01
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			360	367	101.94
3.1.1.1	Máy tính và công nghệ thông tin	748		360	367	101.94
3.1.1.1.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	280	277	98.92
3.1.1.1.2	An toàn thông tin	7480202	Máy tính và công nghệ thông tin	80	90	112.5
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			800	770	96.25
3.1.2.1	Công nghệ kỹ thuật	751		90	99	110
3.1.2.1.1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật	90	99	110
3.1.2.2	Kỹ thuật	752		270	269	99.62
3.1.2.2.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật	100	111	111
3.1.2.2.2	Công nghệ internet vạn vật (IoT)	7520208	Kỹ thuật	85	74	87.05
3.1.2.2.3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật	85	84	98.82
3.1.2.3	Kinh doanh và quản lý	734		320	278	86.87
3.1.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	100	79	79
3.1.2.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	130	109	83.84

10/10/2021

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
3.1.2.3.3	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	90	90	100
3.1.2.4	Báo chí và thông tin	732		120	124	103.33
3.1.2.4.1	Công nghệ đa phương tiện	7329001	Báo chí và thông tin	120	124	103.33
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0		
4	Đại học vừa làm vừa học			200	79	39.5
4.1	Vừa làm vừa học			200	79	39.5
4.1.1	Kỹ thuật	752		50	0	0
4.1.1.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật	50	0	0
4.1.2	Máy tính và công nghệ thông tin	748		100	50	50
4.1.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	100	50	50
4.1.3	Kinh doanh và quản lý	734		50	29	58
4.1.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	50	29	58
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0		

VÀ
 C VI
 H N
 NH VI
 CỨ
 THÀ
 IỒ CH

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0		
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0		
5	Từ xa			350	246	70.28
5.1	Kỹ thuật	752		100	35	35
5.1.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật	100	35	35
5.2	Máy tính và công nghệ thông tin	748		150	177	118
5.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	150	177	118
5.3	Kinh doanh và quản lý	734		100	34	34
5.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	100	34	34
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON					
6	Cao đẳng chính quy					
6.1	Chính quy					
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy					
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					
7	Cao đẳng vừa làm vừa học					
7.1	Vừa làm vừa học					

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học					
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng					

Tp.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2025

**PHÓ GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
PHỤ TRÁCH CƠ SỞ TẠI TP.HCM**



TS. TÂN HẠNH



BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Khoa học và Công nghệ
Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
Cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025

I. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	4047/QĐ-ĐT	04/12/1997	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1998	2024			3045/QĐ-BGD&ĐT-GDTH	06/06/2005	2005
2	Công nghệ internet vạn vật (IoT)	7520208	143/QĐ-HV	26/01/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2024					
3	An toàn thông tin	7480202	722/QĐ-BGDĐT	25/02/2013	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2024	X	2011			
4	Marketing	7340115	1368/QĐ-BGDĐT	16/04/2013	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2024					
5	Quản trị kinh doanh	7340101	3401/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	07/09/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1999	2024			3045/QĐ-BGD&ĐT-GDTH	06/06/2005	2005
6	Công nghệ thông tin	7480201	1638/QĐ-BGD&ĐT/ĐH	13/05/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1999	2024	X	2011	3045/QĐ-BGD&ĐT-GDTH	06/06/2005	2005
7	Công nghệ đa phương tiện	7329001	3756/QĐ-BGDĐT	26/08/2011	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2024					
8	Truyền thông đa phương tiện	7320104	1445/QĐ-BGD&ĐT	09/04/2015			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2025	2024					
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	100/QĐ-HV	21/01/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2024					
10	Kế toán	7340301	5194/QĐ-BGDĐT	17/08/2009	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2009	2024					



STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QP hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyet đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
11	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	5465/QĐ-BGDĐT	02/10/2006	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2024					
12	Hệ thống thông tin	8480104	55/QĐ- BCD&ĐT/SDH	08/01/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1999	2024					
13	Kỹ thuật viễn thông	8520208	55/QĐ- BCD&ĐT/SDH	08/01/1999	125/QĐ-HV	26/02/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1999	2024					

Tp.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN
PHỤ TRÁCH CƠ SỞ TẠI TP.HCM



TS. TAN HẠNH

